

Bản án số: 110/2024/HS-ST

Ngày 05-9-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Trần Thị Trúc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn T Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/HSST-QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Đức C; sinh ngày 05 tháng 8 năm 1984 tại thành phố P; nơi cư trú: Số 15/303 đường H, tổ 5, phường L, quận K, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đức V và bà Đỗ Thị C; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 19-3-2024. Có mặt.

2. Đỗ Văn D; sinh ngày 12 tháng 11 năm 1987 tại thành phố P; nơi cư trú: Tổ Cựu Viên 2, phường B, quận K, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn A và bà Vũ Thị M; có vợ là Nguyễn Thị P và 03 con, trong đó con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 13-3-2024 đến ngày 19-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

3. **Lê Quốc V**; sinh ngày 12 tháng 3 năm 1979 tại thành phố P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 3, xã V, huyện V, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Đỗ Thị B; đã ly hôn và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 13-3-2024 đến ngày 19-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

4. **Đỗ Văn T**; sinh ngày 15 tháng 01 năm 1970 tại thành phố P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 4, xã V, huyện V, thành phố P; nơi ở hiện nay: Số 8/60 An D 1, xã A, huyện A, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng T và bà Đỗ Thị H; có vợ là Đỗ Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 13-3-2024 đến ngày 19-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

5. **Vũ Hữu D**; sinh ngày 15 tháng 12 năm 1981 tại thành phố P; nơi cư trú: Số 276 Hoàng Công Khanh, phường L, quận K, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu S và bà Hoàng Thị P; đã ly hôn và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 108/PTHS ngày 23-8-2000 của Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 30 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Bản án số 34/HS-ST ngày 28-02-2001 của Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 03 năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", tổng hợp hình phạt với Bản án số 108/PTHS ngày 23-8-2000, buộc Vũ Hữu D phải chấp hành hình phạt tù 05 năm 06 tháng tù (đã xóa án tích). Bị tạm giữ từ ngày 13-3-2024 đến ngày 19-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

6. **Nguyễn Trung K**; sinh ngày 01 tháng 10 năm 1985 tại thành phố P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 2, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải D; nơi ở hiện nay: Số 14/303 đường Hoàng Công Khanh, phường L, quận K, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T (có tên khác là Bàng); có vợ là Phạm Thị H và 02 con; trong đó có con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 13-3-2024 đến ngày 19-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13 tháng 03 năm 2024, Lê Quốc V gọi điện thoại rủ Đỗ Văn D chơi đánh bạc ăn tiền, D đồng ý. Sau đó, D gọi điện rủ Đỗ Đức C cùng tham gia và sử dụng nhà C tại Số 15/303 đường H, tổ 5, phường L,

quận K, thành phố P là địa điểm đánh bạc, C đồng ý. Sau đó, C rủ Đỗ Văn T cùng tham gia đánh bạc, T đồng ý. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, V, D, T đến nhà C. Cả nhóm thống nhất tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm (đánh ù) bằng bộ bài tú lơ khơ có 52 lá bài và quy ước tỉ lệ chơi; người về nhì thua 50.000 đồng, người về ba thua 100.000 đồng, người về bốn thua 150.000 đồng, người bị cháy (không có phỏm) thua 200.000 đồng; người nào ù thì ba người còn lại bị thua mỗi người 300.000 đồng. Người nào về nhất hoặc ù thì sẽ được toàn bộ số tiền trên. Trong quá trình đánh bạc, cả bốn người cùng ngồi chơi trên 01 chiếu bạc là 01 thảm vải màu xám, ngồi bên phải C là D, bên trái là Văn, ngồi đối diện là T, lúc này còn có Nguyễn Trung K ngồi xem ở ngoài. Đỗ Đức C sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, một lúc sau C hỏi vay tiền K nhưng không có, nên C chuyển khoản nhờ K đi rút hộ số tiền 3.000.000 đồng cho C, trong đó C sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn 2.500.000 đồng để sửa xe. Đỗ Văn D có số tiền dùng để đánh bạc là 6.700.000 đồng. Đỗ Văn T có số tiền dùng để đánh bạc là 3.330.000 đồng. Lê Quốc V có số tiền dùng để đánh bạc là 2.730.000 đồng. Một lúc sau, K đi rút hộ số tiền 3.000.000 đồng về đưa cho C và tiếp tục ngồi xem đánh bạc. Do có việc phải đi nên C đã để lại số tiền 800.000 đồng cho K để cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì có Vũ Hữu D đến, lúc này K bị thua hết số tiền 800.000 đồng nên không chơi nữa và để Vũ Hữu D vào tham gia đánh bạc, còn K đi về nhà. Khi đến nhà C, D mang theo người số tiền 2.330.000 đồng, trong đó D chỉ sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc cùng Văn, D và T. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác Công an quận K phát hiện bắt quả tang D, V, D và T đang thực hiện hành vi đánh bạc cùng vật chứng. Thu giữ tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 13.610.000 đồng; Trong đó, thu của Đỗ Văn T số tiền 1.550.000 đồng trên chiếu bạc và 1.830.000 đồng trong ví; thu của Đỗ Văn D số tiền 2.750.000 đồng trên chiếu bạc và 4.500.000 đồng trong ví; thu của Vũ Hữu D số tiền 1.800.000 đồng trên chiếu bạc và 2.030.000 đồng tại túi quần phía trước bên trái; thu của Lê Quốc V số tiền 450.000 đồng trên chiếu bạc và 730.000 đồng tại túi quần phía sau bên phải. Ngoài ra, còn thu giữ 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 thảm vải màu xám.

Đến 21 giờ ngày 13-3-2024, Nguyễn Trung K đã đến Cơ quan C sát điều tra Công an quận K đầu thú. Ngày 17-3-2024, Đỗ Văn C đến Cơ quan C sát điều tra Công an quận K trình diện. Tại cơ quan C sát điều tra, Đỗ Đức C khai không thu tiền hồ trong việc cả nhóm đánh bạc tại nhà C. Đỗ Văn D, Đỗ Văn T và Lê Quốc V khai số tiền bị cơ quan Công an thu giữ trong ví và túi quần sẽ dùng để đánh bạc, khi bị thua hết số tiền dưới chiếu bạc. Vũ Hữu D khai số tiền 2.030.000 đồng tại túi quần bị thu giữ, D không sử dụng để đánh bạc.

Bản Cáo trạng số 103/CT-VKSKA ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố P truy tố Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Lê Quốc

V, Đỗ Văn T, Nguyễn Trung K, Vũ Hữu D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận các tình tiết vụ án phù hợp Cáo trạng; thừa nhận các tài liệu trong hồ sơ vụ án là khách quan; thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội danh, rất ân hận và xin xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58 và 65 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Đỗ Văn T, Lê Quốc V. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58 và 36 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Trung K. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự đối với Vũ Hữu D;

Tuyên bố: Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Đỗ Văn T, Lê Quốc V, Nguyễn Trung K, Vũ Hữu D đồng phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Đỗ Đức C từ 18 tháng - 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng - 42 tháng.

Đỗ Văn D từ 18 tháng - 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng - 42 tháng.

Lê Quốc V từ 18 tháng - 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng - 42 tháng.

Đỗ Văn T từ 15 tháng - 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 tháng - 36 tháng.

Vũ Hữu D từ 12 tháng - 15 tháng tù.

Nguyễn Trung K từ 12 tháng - 15 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 6 ngày tạm giữ (= 18 ngày cải tạo không giam giữ). Miễn khấu trừ thu nhập, nhưng phải thực hiện công việc công ích theo quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 01 tấm vải màu xám; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 13.610.000 đồng.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan C sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, hoặc người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan C sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, hoặc người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bởi vậy, Cơ quan C sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, sơ đồ hiện trường, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Chiều ngày 13-3-2024 tại nhà của Đỗ Đức C ở số 15/303 đường Hoàng Công Khanh, phường Lãm Hà, quận K, thành phố P, Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Lê Quốc V, Đỗ Văn T, Vũ Hữu D, Nguyễn Trung K đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức đánh phỏm, với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 13.610.000 đồng. Đỗ Đức C không thu tiền hồ trong việc cả nhóm đánh bạc tại nhà C. Bởi vậy, đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Lê Quốc V, Đỗ Văn T, Vũ Hữu D, Nguyễn Trung K đồng phạm tội "Đánh bạc" với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, trừng trị đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm tình tiết theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Đỗ Văn T, Lê Quốc V và Nguyễn Trung K phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cần chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát về việc Vũ Hữu D có nhân thân hai lần phạm tội tuy được xóa án tích, nhưng được coi không phạm tội lần đầu. Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Trung K sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Cần áp dụng các điều 17, 58 Bộ luật Hình sự để đánh giá vai trò, quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, nhưng xác định các bị cáo đồng phạm giản đơn. Lê Quốc V sử dụng 2.730.000 đồng, nhưng là người đề xuất

đánh bạc. Đỗ Đức C tuy sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc, nhưng sử dụng nhà làm địa điểm đánh bạc, chuẩn bị 02 bộ bài, rử T, K tham gia đánh bạc. Đỗ Văn D rử C tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền nhiều nhất là 6.700.000 đồng đánh bạc. Đánh giá các bị cáo Văn, C, D có vai trò ngang nhau, cao hơn các bị cáo khác. Sau đó đến vai trò Đỗ Văn T sử dụng 3.330.000 đồng đánh bạc, cao hơn vai trò của bị cáo K đã sử dụng 800.000 đồng của C để lại cho K tham gia đánh bạc. Bị cáo D đánh bạc với số tiền 300.000 đồng, với thời lượng ít nhất, nên có vai trò thấp nhất.

[7] Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt các bị cáo hình phạt theo mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, bảo đảm trừng trị người phạm tội, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Các bị cáo Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Đỗ Văn T, Lê Quốc V, Nguyễn Trung K đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chấp hành chính sách, pháp luật tại địa phương ngoài phạm tội lần này, gia đình xin bảo lãnh, có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận. Các bị cáo C, D, Văn, T thỏa mãn điều kiện áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Trung K có vai trò đồng phạm thấp hơn, thỏa mãn điều kiện áp dụng được hưởng cải tạo không giam giữ theo quy định Điều 36 Bộ luật Hình sự, nhưng cần miễn khấu trừ thu nhập đối với K với lý do bị cáo không có việc làm ổn định. Vũ Hữu D có vai trò đồng phạm thấp, nhưng cần xử bị cáo hình phạt tù ở mức khởi điểm đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ.

[8] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000 đồng theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng của vụ án là 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 01 tấm vải màu xám. Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với tiền đánh bạc 13.610.000 đồng.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58 và 65 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Lê Quốc V, Đỗ Văn T;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58 và 36 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Trung K;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự đối với Vũ Hữu D;

Tuyên bố: Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Lê Quốc V, Đỗ Văn T, Vũ Hữu D, Nguyễn Trung K đồng phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

1. Đỗ Đức C 21 (hai mươi một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Đỗ Văn D 21 (hai mươi một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Lê Quốc V 21 (hai mươi một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Đỗ Văn T 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bị cáo được hưởng án treo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được

hưởng án treo vì phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất C trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Nguyễn Trung K 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, trừ 6 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ, nên bị cáo phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập, nhưng phải thực hiện công việc công ích theo quy định pháp luật. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Đỗ Văn T, Lê Quốc V, Nguyễn Trung K.

6. Vũ Hữu D 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 13 tháng 3 năm 2024 đến ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Vũ Hữu D.

Phạt tiền Đỗ Đức C, Đỗ Văn D, Đỗ Văn T, Lê Quốc V, Vũ Hữu D, Nguyễn Trung K mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 01 tấm vải màu xám. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa Cơ quan Điều tra Công an quận K và Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố P).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với tiền đánh bạc 13.610.000 đồng (mười ba triệu, sáu trăm mười nghìn đồng) (theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Công an quận K, thành phố P)

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. P;
- VKSND TP. P;
- Sở Tư pháp TP. P;
- VKSND quận K;
- Công an quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Bị cáo,
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh